

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



HỒ XUÂN HẢI

**BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN
CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG
THƯƠNG MẠI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Hải Ngọc**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu	5
6. Bố cục của luận văn	6
B. PHẦN NỘI DUNG	7
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	7
1.1. Khái niệm về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại	7
1.1.1. Khái niệm người tiêu dùng	7
1.1.2. Khái niệm thông tin cá nhân	7
1.1.3. Khái niệm bảo vệ	8
1.1.4. Khái niệm hoạt động thương mại	8
1.2. Các phương thức bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại ở nền kinh tế thị trường Việt Nam.....	9
1.2.1. Bảo vệ thông qua các quy định của pháp luật	9
1.2.2. Thông qua ý thức chấp hành quy định pháp luật của tổ chức, cá nhân kinh doanh	9
1.2.3. Thông qua nhận thức của chính bản thân người tiêu dùng	10
1.3. Sự cần thiết phải bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM ở nền kinh tế thị trường Việt Nam	10
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	12
Chương 2. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI	13
2.1. Pháp luật Việt Nam về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại.....	13
2.1.1. Hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam quy định về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại.....	13
2.1.2. Nội dung quy định về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam	13

2.1.3. Đánh giá kết quả đạt được qua thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại	15
2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại	15
2.2.1. Hạn chế, khó khăn qua việc thi hành pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại	16
2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn trong việc thi hành pháp luật bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng	17
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	18
Chương 3. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM.....	19
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại.....	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại tại Việt Nam	19
3.2.1. Giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại	19
3.2.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại..	20
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	22
KẾT LUẬN	23

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Có thể nói, trong thời gian qua, quyền TTCN của NTD đang bị xâm phạm ngày càng nhiều bởi các thủ đoạn ngày càng tinh vi như: lấy cắp các TTCN thông qua các tài khoản mạng xã hội như facebook, lừa đảo TTCN thông qua các phần mềm gửi thư rác (spam) có nội dung khuyến mại, trúng thưởng, rất nhiều người dùng điện thoại đã và đang bị “quấy rối” bởi những tin nhắn quảng cáo, gạ mua bảo hiểm,...Nguy hiểm hơn nữa là tình trạng rao bán TTCN của người khác một cách công khai trên Internet.

Pháp luật hiện hành về việc bảo vệ TTCN của NTD ở nước ta đã tạo ra một cơ sở pháp lý vững chắc khắc phục các tình trạng xâm phạm quyền thông tin của NTD, giải quyết thỏa đáng các hành vi vi phạm về TTCN của NTD, thúc đẩy, duy trì mối quan hệ giữa NTD và các cá nhân, tổ chức kinh doanh góp phần quan trọng trong sự phát triển bền vững, ổn định của nền kinh tế- xã hội. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, pháp luật hiện hành chưa thật sự phát huy được hết vai trò, trách nhiệm bảo vệ tốt nhất TTCN của NTD (cụ thể: các quy định còn nằm rải rác ở rất nhiều văn bản khác nhau, chưa dự liệu được các tình huống có thể xảy ra, mức xử phạt hành chính chưa phù hợp...) dẫn đến tình trạng việc bảo vệ TTCN của NTD ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thức khác nhau và ngày càng tinh vi hơn; Do đó cần phải nâng cao hiệu quả của pháp luật hiện hành về việc bảo vệ TTCN của NTD là một nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

Với những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài **“Bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM theo pháp luật Việt Nam”** làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Vấn đề bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM là một trong những nội dung rất quan trọng đặc biệt trong điều kiện phát triển nền kinh tế số như hiện nay thì NTD cũng đã phải đối mặt với những rủi ro về quyền thông tin trong quá trình thực hiện các hoạt động giao dịch của mình. Vấn đề này tuy không phải là vấn đề mới nhưng luôn thu hút được nhiều sự quan tâm, nghiên cứu của các học giả khi nghiên cứu về lĩnh vực bảo vệ quyền lợi NTD. Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu về các bài viết, bài báo có liên quan đến đề tài nghiên cứu có thể kể đến các nghiên cứu như:

- ***Các nghiên cứu về bảo vệ TTCN:*** qua đây đã khẳng định vai trò, tầm quan trọng của việc bảo vệ TTCN, đây là một trong những quyền cơ bản, bên cạnh đó cũng cần phải xây dựng được những thể chế, giám sát việc thực hiện bảo vệ thông tin cá nhân.

+ Hà Thị Thanh, (2013) “*Pháp luật bảo vệ TTCNNTD ở Việt Nam*”, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cao Xuân Quảng, “*Bảo vệ TTCN trong các giao dịch tiêu dùng*”, Bản tin Cạnh tranh và NTD số 47-2014, tr.15-tr.18.

+ TS.Nguyễn Thị Vân Anh (2013) đề tài “*Nghiên cứu pháp luật về quyền được cung cấp thông tin và bảo vệ thông tin của NTD ở Việt Nam*”.

- ***Các nghiên cứu về bảo vệ TTCN của NTD trong từng lĩnh vực cụ thể:***

TTCN của NTD là một trong những thông tin cơ bản, được cung cấp, sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như thông qua các giao dịch điện tử, qua mạng,... do đó trong từng lĩnh vực, hoạt động cụ thể sẽ có những cách thức khác nhau. Trước tình hình đó các nghiên cứu

sẽ tiếp cận vấn đề bảo vệ TTCN dưới nhiều góc độ và từng lĩnh vực cụ thể:

+ Trịnh Vương An, “*Bảo vệ quyền lợi NTD trong thương mại điện tử theo pháp luật Việt Nam hiện nay*”, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội, 2015.

+ Đinh Thị Lan Anh, “*Bảo vệ TTCN trong thương mại điện tử theo pháp luật Việt Nam*”, tạp chí Dân chủ và pháp luật định kỳ số tháng 7 (280) năm 2015.

+ Tạp chí Công nghệ thông tin và truyền thông “*Pháp luật của các nước trên thế giới về bảo vệ thông tin cá nhân*”, website: tapchibcv.gov.vn, 2015.

- ***Các nghiên cứu về thực trạng, giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân:*** hiện nay có một số bài nghiên cứu về thực trạng bảo vệ TTCN của NTD dưới nhiều khía cạnh khác nhau như: thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, về áp dụng các chế tài pháp luật đối với hành vi vi phạm về xâm phạm đến quyền TTCN của NTD.

+ ThS. Phạm Thị Minh Lan “*Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giao dịch thương mại điện tử - Giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam*” đăng tải trên Công nghệ thông tin & truyền thông (2012) Số kỳ 2 tháng 8 tr14-tr21.

+ Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Bộ công thương, “*Thực trạng bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Việt Nam*”.

Nhìn chung, các tác giả của các bài nghiên cứu nêu trên đã đề cập, phân tích, đánh giá những vấn đề liên quan đến bảo vệ TTCN của NTD. Các bài nghiên cứu đã có những nghiên cứu khá chi tiết từ khái niệm, vai trò của thông tin cá nhân, quyền được bảo vệ TTCN của NTD đến trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cá nhân, tổ chức kinh doanh về vấn đề bảo vệ TTCN của NTD. Trong đó đã có một số bài

báo nghiên cứu về nhiều phương diện, góc độ khác nhau từ những quy định của pháp luật và thực trạng để đánh giá cụ thể khách quan.

Đề tài “*Bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM theo pháp luật Việt Nam*” là một đề tài mới, tuy nhiên luận văn sẽ nghiên cứu một cách đầy đủ nhất về cả lý luận và thực tiễn pháp luật của hệ thống pháp luật bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM ở thời điểm hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lý luận và thực tiễn việc bảo vệ TTCN của NTD; Các quy định của pháp luật một số nước trên thế giới và Việt Nam về bảo vệ TTCN của NTD ở các lĩnh vực khác nhau như ngân hàng, giao dịch điện tử, viễn thông... Các đánh giá, tổng kết, báo cáo tình hình thi hành pháp luật trong thực tiễn đời sống, từ đó nêu ra những định hướng, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Vấn đề bảo vệ TTCN của NTD là một vấn đề khá rộng, với phạm vi nghiên cứu như đã trình bày thì trọng tâm nghiên cứu của luận văn là những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn áp dụng.

- *Về lý luận*: Đề tài nghiên cứu về các quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ TTCN của NTD trong các văn bản như: Luật bảo vệ quyền lợi NTD năm 2010; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017)...

- *Về thực tiễn*: Đề tài nghiên cứu, đánh giá tính phù hợp, thống nhất của các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ TTCN của NTD. Dựa trên sự đánh giá đó sẽ đưa ra những nhận định về vấn đề pháp lý phát sinh, các định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM.

4. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn làm sáng tỏ cơ sở lý luận về bảo vệ TTCN của NTD; Đánh giá thực trạng áp dụng quy định của pháp luật; Trên cơ sở thực tiễn đưa ra một số kiến nghị thích hợp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong thời gian tới

4.2. Nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

Để đạt được mục tiêu trên, cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tập hợp và nghiên cứu các quy định của pháp luật về vấn đề bảo vệ TTCN của NTD, những vấn đề lý luận chung về bảo vệ TTCN thông qua việc quy định tại các văn bản luật và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và áp dụng pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của NTD, bao gồm việc nghiên cứu những điểm thiếu sót bất cập, hạn chế, vướng mắc của pháp luật. Bên cạnh đó đánh giá thực trạng các quy định về bảo vệ TTCN của NTD.

- Trên cơ sở đánh giá tìm ra nguyên nhân dẫn đến việc áp dụng quy định bảo vệ TTCN của người tiêu dùng chưa đạt được hiệu quả cao. Với những bất cập đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu đề tài một cách có hiệu quả, tác giả đã sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác- Lênin để giải quyết nhiệm vụ đặt ra.

Bên cạnh đó còn sử dụng các phương pháp sau:

- *Phương pháp tổng hợp*: với phương pháp này sử dụng để tìm kiếm, tổng hợp các văn bản, các quy định có liên quan đến bảo vệ TTCN của NTD nhằm phục vụ cho quá trình nghiên cứu đề tài.

- *Phương pháp so sánh, đánh giá*: đề bài viết có một cách nhìn khái quát bao quát nhất thì phương pháp này là một cách tốt nhất giúp đưa các vấn đề cần nghiên cứu được làm sáng tỏ, có tính chính xác và khoa học nhất;

- *Phương pháp thống kê*: phương pháp này được sử dụng để thấy những kết quả đã đạt được trong suốt quá trình thực tiễn thi hành pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD.

- *Phương pháp phân tích*: được sử dụng để phân tích các điều luật liên quan, các vụ việc để làm sáng tỏ thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD.

- *Phương pháp quy nạp*: phương pháp này được sử dụng nhiều trong luận văn để có thể khái quát, kết luận lại những vấn đề đã trình bày được đưa ra một cách nhìn cụ thể nhất đối với từng vấn đề cụ thể.

6. Bộ cục của luận văn

Đề tài với tiêu đề “**Bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM theo pháp luật Việt Nam**” được chia làm 3 phần: Phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Trong đó phần nội dung gồm có 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM theo pháp luật Việt Nam.

Chương 2: Pháp luật Việt Nam và thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam về bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM tại Việt Nam.

Ngoài ra, còn có Danh mục từ viết tắt, Bảng biểu, Danh mục tài liệu tham khảo.

B. PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1.1. Khái niệm về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

1.1.1. Khái niệm người tiêu dùng

Theo PLVN hiện hành¹ thì: “*NTD là những người mua, sử dụng hàng hoá, dịch vụ cho các mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, tổ chức*”. Chúng ta có thể hiểu rằng, NTD được hiểu là người cuối cùng sử dụng hàng hoá, dịch vụ được cung ứng trên thị trường. Những người này mua, sử dụng hàng hóa vào mục đích sinh hoạt hằng ngày của bản thân, tổ chức không nhằm mục đích kinh doanh mua đi bán lại. Những người mua hàng hoá, dịch vụ để sử dụng lần đầu vào cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ sẽ không được coi là NTD.

Như vậy, khái niệm NTD theo PLVN bao gồm cá nhân và cả tổ chức, hộ gia đình.

1.1.2. Khái niệm thông tin cá nhân

Khái niệm “TTCN” trong hệ thống pháp luật Việt Nam, được quy định trong Luật An toàn thông tin mạng (ATTTM) 2015: “TTCN là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể”¹

Về cơ bản thì TTCN vẫn được hiểu là những thông tin mà dựa vào đó người khác có thể biết rõ, xác định được về người liên quan đến thông tin đó, mang tính chất riêng tư, gắn với nhân thân của người đó. TTCN được coi là tài sản vô hình có vai trò quan trọng mang lại

¹ Khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ quyền lợi NTD 2010

hiệu quả cao về nhiều mặt của nền kinh tế- xã hội khi sử dụng đúng mục đích và được đảm bảo an toàn.

1.1.3. Khái niệm bảo vệ

Theo quan điểm của tác giả thì bảo vệ là việc bảo đảm sự an toàn, chống lại mọi hoạt động xâm phạm gây hại đến quyền, lợi ích đảm bảo sự an toàn cho các chủ thể.

Dù hiểu theo cách nào thì “Bảo vệ” là việc đảm bảo sự an toàn cho các chủ thể tham gia vào các quan hệ xã hội tránh khỏi những hành vi xâm hại, phá hoại mà các chủ thể có thể gặp phải.

1.1.4. Khái niệm hoạt động thương mại

Thứ nhất, theo nghĩa rộng: Đó là mọi hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, đồng nghĩa với hoạt động kinh doanh. “*Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình, đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi*”¹. Hoạt động kinh doanh thực hiện trong nhiều lĩnh vực sản xuất, lưu thông hàng hóa và dịch vụ.

Như vậy, hoạt động thương mại bao gồm không chỉ các hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ mà còn là các hoạt động đầu tư cho sản xuất dưới các hình thức đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

Thứ hai, theo nghĩa hẹp: Luật thương mại 2005 quy định: “*Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác*”².

Hoạt động thương mại được định nghĩa theo Luật thương mại chỉ tập trung vào các hoạt động kinh doanh trong 02 khâu lưu thông và dịch vụ, không bao hàm khâu đầu tư cho sản xuất. Hai lĩnh vực chủ

yếu của hoạt động thương mại là thương mại hàng hóa và thương mại² dịch vụ.

Trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu các khái niệm về “NTD”, “TTCN”, “bảo vệ” và “HĐTM” một số nước trên thế giới và Việt Nam, chúng ta có thể đưa ra khái niệm “Bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM là việc sử dụng các biện pháp chống lại mọi hoạt động xâm phạm đến thông tin của cá nhân, tổ chức, khi họ cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân kinh doanh (TC, KNKD) trong quan hệ giao kết hợp đồng”.

1.2. Các phương thức bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại ở nền kinh tế thị trường Việt Nam

1.2.1. Bảo vệ thông qua các quy định của pháp luật

Nhà nước thông qua pháp luật để quản lý trật tự xã hội, điều chỉnh các hành vi của các chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật. Để bảo vệ TTCN của NTD thì việc ban hành các quy định liên quan về hành vi được phép thực hiện, hành vi cấm hay các chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm trong việc bảo vệ TTCN là cần thiết và hiệu quả nhất. Các quy định được ghi nhận trong các văn bản như: Hiến pháp, Bộ luật dân sự 2015, Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật BVQLNTD 2010, Luật ATTTM 2015...

1.2.2. Thông qua ý thức chấp hành quy định pháp luật của tổ chức, cá nhân kinh doanh

Hệ thống quy định của pháp luật đã được ban hành tạo ra một cơ sở pháp lý buộc các TC, CNKD trước, trong và sau quá trình thu thập thông tin của NTD phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Bảo vệ

¹ Khoản 16 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014

² Khoản 1 Điều 3 Luật thương mại 2005

thông tin là một trong những cơ sở đánh giá hoạt động kinh doanh, ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động kinh doanh. Vì vậy, TC, CNKD phải có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật.

1.2.3. Thông qua nhận thức của chính bản thân người tiêu dùng

Bản thân NTD phải được nâng cao kiến thức về bảo vệ thông tin của mình, không có một ai có thể thay thế chính họ để thực hiện, tự ý thức để bảo vệ TTCN của mình. Đây là phương thức chủ động mà bản thân NTD nào cũng có thể thực hiện bằng việc phải tự mình kiểm tra, xác minh các chính sách bảo mật của doanh nghiệp trước khi đồng ý cung cấp các thông tin của mình.

1.3. Sự cần thiết phải bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM ở nền kinh tế thị trường Việt Nam

Thứ nhất, đảm bảo thực hiện quyền con người, đặc biệt quyền về bảo mật thông tin của NTD

Thực hiện tốt quyền được bảo vệ TTCN là một trong những cách thức góp phần bảo đảm thực hiện quyền con người vì đây là những quyền cơ bản nhất mà mỗi con người đều được hưởng. Quyền con người luôn được coi trọng, thừa nhận và bảo hộ bởi các quy định của pháp luật trong nước cũng như các quy định quốc tế.

Thứ hai, xây dựng một nền kinh tế thị trường phát triển bền vững, ứng dụng khoa học công nghệ

Để xây dựng một nền kinh tế thị trường ổn định, hiện đại thì việc bảo vệ quyền lợi của NTD là một hoạt động cần thiết. NTD là chủ thể tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, để đạt được những lợi ích kinh tế thì phải đảm bảo cân bằng được các nhóm lợi ích của các chủ thể khác nhau trong nền kinh tế.

Thứ ba, nâng cao trách nhiệm quản lý của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội

Hiện nay quản lý của Nhà nước còn bộc lộ rất nhiều hạn chế, yếu kém trong công tác hướng dẫn xử lý, giải quyết. NTD gặp các rủi ro, quyền lợi bị xâm phạm chưa biết tìm đến cơ quan nào để yêu cầu tiến hành giải quyết, hơn thế sự phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ về hoạt động bảo vệ quyền lợi còn thiếu trách nhiệm cũng như động cơ hợp tác. Muốn những thông tin này được bảo mật, an toàn các tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cũng cần có những biện pháp tích cực để bảo vệ các TTCN của NTD.

Thứ tư, điều chỉnh hành vi của cá nhân, tổ chức kinh doanh tiến hành hoạt động thu thập thông tin

Hiện nay các cá nhân, tổ chức kinh doanh tiến hành thu thập TTCN của NTD rất nhiều, hầu như khi tham gia vào các hoạt động giao dịch nào chúng ta cũng cần phải cung cấp TTCN của mình. Bởi lẽ, xây dựng các quy định pháp luật BVQLNTD tạo một hành lang pháp lý buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ phải tôn trọng các quyền, lợi ích của các chủ thể khác, không được thực hiện các hành vi xâm phạm đến quyền lợi của NTD.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, tác giả đã nghiên cứu 03 vấn đề, đó là khái niệm bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM; các phương thức bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM và sự cần thiết phải bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM ở nền kinh tế thị trường Việt Nam. Trong đó đã làm sáng tỏ được các khái niệm, gồm khái niệm NTD, khái niệm TTCN, khái niệm bảo vệ và khái niệm HĐTM; nêu ra được các các phương thức bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM, bao gồm 03 phương thức: bảo vệ thông qua các quy định của pháp luật; thông qua ý thức chấp hành các quy định của pháp luật của TC, CNKD và thông qua nhận thức của chính bản thân NTD.

Tác giả đã phân tích và làm sáng tỏ sự cần thiết phải bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM ở nền kinh tế thị trường Việt Nam như đảm bảo quyền con người, đặc biệt quyền về bảo mật thông tin của NTD. Chúng ta cần phải xây dựng một nền kinh tế thị trường phát triển bền vững, ứng dụng khoa học công nghệ. Đồng thời nâng cao trách nhiệm quản lý của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và điều chỉnh hành vi của các TC, CNKD tiến hành hoạt động thu thập thông tin.

Trên cơ sở lý luận của Chương 1 để có thể làm tiền đề tiếp theo để nghiên cứu Chương 2: Pháp luật Việt Nam và thực tiễn thi hành PLVN về bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM.

Chương 2

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

2.1. Pháp luật Việt Nam về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

2.1.1. Hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam quy định về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

- Hiến pháp năm 2013¹ quy định về quyền con người: “*Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện*”.

- Bộ Luật dân sự năm 2015; Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Luật Bảo vệ NTD năm 2010; Luật Giao dịch điện tử 2005; Luật Viễn thông năm 2009; Luật Công nghệ thông tin 2006; Luật An toàn thông tin mạng 2015; Nghị định số 49/2017 NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ; Nghị định số 174/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 09/2008/TT-BTC của Bộ tài chính; Thông tư số 25/2010/TT-BTTTT ngày 15/11/2010 của Bộ thông tin và truyền thông.

2.1.2. Nội dung quy định về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam

Thứ nhất, quy định về khái niệm về thông tin cá nhân: TTCN theo pháp luật Việt Nam là những thông tin liên quan đến một chủ thể cụ thể, các thông tin này có thể là: tên, tuổi, địa chỉ, các hoạt động

giao dịch,...của chủ thể đó, khi các thông tin này bị lộ ra ngoài thì người khác có thể xác định được danh tính của họ.

Thứ hai, quy định về đối tượng có quyền thu thập TTCN của NTD

Đối với các tổ chức, cá nhân thu thập TTCN của NTD để bảo vệ tốt thông tin của NTD thì các tổ chức, cá nhân tiến hành thu thập thông tin cần phải đảm bảo rằng những thông tin đó luôn được an toàn, sử dụng đúng mục đích như đã thông báo với NTD.

Thứ ba, quy định về đối tượng cung cấp TTCN

Bản thân người cung cấp phải tự mình bảo vệ thông tin của mình và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ TTCN. Đây là quy định phù hợp mang tính bao quát khi mà những thông tin của NTD thì khi đó NTD mới làm chủ được nguồn thông tin của mình tránh được những rủi ro để mất thông tin cá nhân. Bên cạnh việc tự mình phải bảo vệ nguồn thông tin thì pháp luật còn quy định chủ thể TTCN có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân xử lý TTCN cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ TTCN của mình mà tổ chức, cá nhân đó đã thu thập, lưu trữ.

Thứ tư, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong bảo vệ TTCNNTD

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần phải tiến hành kiểm tra các hệ thống, điều kiện hoạt động thu thập thông tin của các tổ chức một cách thường xuyên để phát hiện ra các sai phạm, thiếu sót.

Thứ năm, chế tài xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm về TTCN của NTD

Tùy vào mức độ vi phạm khác nhau về bảo vệ TTCN cho NTD sẽ có các loại chế tài xử phạt khác nhau.

- *Chế tài hành chính*: chế tài hành chính là chế tài được áp dụng nhiều nhất trong thực tiễn, đây là biện pháp mang lại hiệu quả cao trong việc ngăn chặn ngay lập tức các hành vi vi phạm pháp luật vì nó đã tác động tới quyền lợi kinh tế của các chủ thể vi phạm.

- *Chế tài dân sự*: Bên cạnh các chế tài về hành chính ở trên, thì chế tài dân sự cũng được áp dụng khi có các hành vi vi phạm về bảo vệ TTCN của NTD, thể hiện khả năng khắc phục hậu quả, bù đắp thiệt hại được áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật dân sự buộc các chủ thể phải khắc phục tổn thất gây ra.

- *Chế tài hình sự*: Chế tài hình sự là những chế tài được áp dụng xử phạt đối với các hành vi vi phạm mang tính chất nguy hiểm cho xã hội, có dấu hiệu tội phạm.

2.2. Thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

2.2.1. Đánh giá kết quả đạt được qua thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

Qua thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật trong hoạt động thu thập các TTCN của các cá nhân, tổ chức ở Việt Nam, chúng ta có thể đưa ra được một số kết luận sau:

+ Nhà nước ta đã có rất nhiều đổi mới trong việc ban hành các văn bản pháp luật điều chỉnh, sửa đổi hoặc thay thế các văn bản pháp luật đã lỗi thời không còn phù hợp với điều kiện kinh tế, tốc độ phát triển của đất nước ta. Có sự học hỏi, kế thừa các kinh nghiệm lập pháp của các nước khác trên thế giới để có thể hoàn thiện, phù hợp với điều kiện phát triển tại Việt Nam.

+ Pháp luật Việt Nam đã nêu rõ ràng cụ thể các quy định về các yếu tố liên quan đến việc thực hiện các phương thức, hoạt động, xử lý TTCN của NTD, điều kiện tiến hành thu thập các thông tin của cá nhân, tổ chức.

+ Chỉ số an toàn thông tin ở Việt Nam ngày càng cao qua các năm, đã tạo được sự tin tưởng của NTD trong vấn đề bảo mật các

nguồn thông tin của mình, góp phần làm gia tăng các giao dịch thông qua các ứng dụng TMĐT tại các doanh nghiệp.

+ Vấn đề bảo vệ TTCN triển khai ứng dụng TMĐT tại doanh nghiệp ngày càng được nâng cao. Xây dựng được nhiều cơ chế hiệu quả nhằm bảo vệ TTCN của NTD trong nhiều lĩnh vực

2.2.2. Hạn chế, khó khăn qua việc thi hành pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

+ Chưa có một văn bản cụ thể nào để điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh trong bảo vệ, xử lý hay các phương thức bảo vệ TTCN của NTD.

+ Các quy định về phương thức bảo vệ TTCN của NTD chưa thật sự dự liệu hết được các tình huống có thể xảy ra trong thực tiễn áp dụng.

+ Xử phạt hành chính là một biện pháp bảo vệ NTD khi bị xâm phạm, tuy nhiên việc quy định về các mức độ vi phạm còn ít, chưa đầy đủ, điều này cũng gây ra không ít khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước khi tiến hành xử phạt.

+ Hiện trạng ăn cắp, thu thập, sử dụng các tài khoản cá nhân bất hợp pháp xảy ra ngày càng nhiều

Những hạn chế này sẽ được phân tích cụ thể như sau:

Thứ nhất, chưa có một văn bản cụ thể nào để điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh trong bảo vệ, xử lý hay các phương thức bảo vệ TTCN của NTD.

Thứ hai, các quy định về phương thức bảo vệ TTCN của NTD chưa thật sự dự liệu hết được các tình huống có thể xảy ra trong thực tiễn áp dụng

Thứ ba, chế tài xử phạt quy định về các mức độ vi phạm còn ít, chưa đầy đủ, điều này cũng gây ra không ít khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước khi tiến hành xử phạt

Thứ tư, chưa có các quy định hướng dẫn đối với các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài tiến hành thu thập TTCN và tiến hành các giao dịch tại nước ta

Thứ năm, hiện trạng ăn cắp, thu thập, sử dụng các tài khoản cá nhân bất hợp pháp xảy ra ngày càng nhiều

Với những hạn chế như trên, dẫn đến các quy định của pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD chưa thật sự đạt hiệu quả trên thực tế, chưa thể phát huy được vai trò là công cụ hữu ích giúp bảo vệ TTCN của NTD.

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn trong việc thi hành pháp luật bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng

+ Nguyên nhân từ phía quy định của pháp luật

Chưa có sự đồng nhất về các quy định, một số quy định còn chung chung chưa có hướng dẫn cụ thể nên không hiệu quả.

+ Nguyên nhân về phía cơ quan quản lý Nhà nước.

Việc triển khai và thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD cần phải có sự nỗ lực từ các cấp, các ngành, cần phải có sự phối hợp, đóng vai trò quan trọng trong việc truyền truyền, phổ biến các quy định, biện pháp bảo vệ TTCN cho chính những NTD và các tổ chức tiến hành các hoạt động thu thập.

+ Nguyên nhân về phía NTD và cá nhân, tổ chức tiến hành thu thập, lưu trữ thông tin

NTD chưa có nhiều hiểu biết liên quan đến việc bảo mật TTCN của mình, tâm lý xem nhẹ việc bảo mật TTCN của mình.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương này đề cập đến các hệ thống văn bản điều chỉnh, nội dung của các quy định của pháp luật và các văn bản có liên quan đến vấn đề bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM, đồng thời tại Chương này cũng đã nêu ra được thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam, phân tích cụ thể, đánh giá kết quả đạt được, nêu ra được hạn chế, khó khăn, đồng thời tìm ra được nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn qua việc thi hành pháp luật bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến việc bảo vệ TTCN của NTD, bắt đầu từ việc rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

+ Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở Việt Nam phải xuất phát từ thực tiễn, điều kiện trong nước, đồng thời có sự tiếp thu học hỏi có chọn lọc các kinh nghiệm của các nước trên thế giới

+ Mở rộng đối tượng phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm liên quan đến việc bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng

+ Sửa đổi, bổ sung thống nhất các quy định của pháp luật bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

+ Quy định về trách nhiệm công bố thông tin cho người tiêu dùng khi hệ thống thông tin của cá nhân, tổ chức tiến hành thu thập, xử lý gặp rủi ro

3.2. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại tại Việt Nam

3.2.1. Giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

Một là, cần phải hệ thống lại các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ thông tin cá nhân của NTD và quy định tại một văn bản quy phạm cụ thể.

Hai là, muốn hoàn thiện các quy định về pháp luật bảo vệ thông tin của NTD khi tiến hành xây dựng các quy định cần phải tham khảo, lấy ý kiến của NTD đối tượng cần được bảo vệ cũng như cá nhân, tổ chức kinh doanh

Ba là, Cần đưa ra các nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân của NTD

Bốn là, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức kinh doanh

Năm là, cần tăng mức tiền phạt, quy định các mức độ vi phạm đối với hành vi vi phạm pháp luật BVTT cá nhân của NTD

3.2.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại

+ Nâng cao năng lực của cơ quan Nhà nước

Bảo vệ TTCN của NTD là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước. Khắc phục triệt để tình trạng thiếu trách nhiệm, vô cảm, thiếu quyết liệt của từng ngành, địa phương, đơn vị được phân công phụ trách.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi và khả năng thực thi hiệu quả bảo vệ TTCN của NTD.

+ Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh

Khi thu thập TTCN của NTD, cần làm rõ trách nhiệm đối với thông tin thu được (bản thân doanh nghiệp hay ủy thác cho một đơn vị khác làm công việc thu thập thông tin khách hàng). Khi xây dựng chính sách bảo mật TTCN, cần thực hiện đầy đủ Điều 69 trong Nghị định 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ để làm đúng quy định của pháp luật.

+ Nâng cao ý thức của bản thân người tiêu dùng trong việc bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng

Bản thân mỗi NTD phải tự mình có ý thức bảo vệ thông tin cá nhân của bản thân, Nhà nước cũng có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của NTD.

+ *Thúc đẩy vai trò của cơ quan quản lý Nhà nước, đặc biệt chú trọng đến vai trò quản lý của cơ quan Nhà nước trong việc bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng*

Cơ quan quản lý nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi các quy định của pháp luật về vấn đề bảo mật thông tin cá nhân của NTD. Bằng việc thiết lập các kênh thông tin trực tuyến để tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các cá nhân, tổ chức trong vấn đề bảo mật thông tin cá nhân của NTD. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra các hệ thống thu thập, xử lý thông tin của các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp để kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực bảo vệ thông tin cá nhân của NTD.

+ *Xây dựng các chính sách phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực an toàn thông tin nói chung và an toàn thông tin cá nhân cho người tiêu dùng nói riêng*

Nhà nước ta cần phải thực hiện tốt các vai trò kiến tạo, phục vụ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tháo gỡ những vướng mắc, bài toán về nhân lực ATTT chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu hội nhập của đất nước.

+ *Tăng cường năng lực thực thi pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng*

Xây dựng, kiện toàn các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ thông tin cá nhân của NTD tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về năng lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo được việc thực hiện tốt các quy định về bảo vệ TTCN của NTD tại các địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương này tác giả đã nêu ra những định hướng hoàn thiện pháp luật liên quan đến bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM, bắt đầu từ việc rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Mở rộng đối tượng phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm liên quan. Đồng thời tác giả nêu lên việc sửa đổi, bổ sung thống nhất các quy định của pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD

Trong quá trình nghiên cứu, khảo sát thực tiễn thì tác giả cũng đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong thực tiễn. Tác giả dựa trên thực tiễn và nguyên nhân đưa ra các định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, đồng thời đưa ra một số giải pháp như: hệ thống lại các quy định của pháp luật liên quan đến bảo vệ TTCN của NTD và quy định tại một văn bản quy phạm pháp luật cụ thể; cần phải tham khảo, lấy ý kiến của NTD, đối tượng cần được bảo vệ cũng như các TC, CNKD; cần đưa ra các nguyên tắc bảo vệ TTCN của NTD; tăng cường vai trò, trách nhiệm của các TC, CNKD và tăng mức tiền phạt, quy định các mức độ vi phạm đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ TTCN của NTD. Từ đó, giúp cho hoạt động bảo vệ TTCN của NTD ngày càng đảm bảo được tính bảo mật, giúp cho NTD tin tưởng vào các hoạt động của cá nhân, tổ chức kinh doanh, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, hội nhập toàn cầu hóa.

KẾT LUẬN

Qua những việc liệt kê, hệ thống các quy định của pháp luật, thực trạng về các phương thức bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM hiện nay thì chúng ta sẽ có được cách nhìn khái quát nhất về vấn đề bảo vệ TTCN của NTD ở Việt Nam. Với tốc độ phát triển như hiện nay thì cả cơ quan nhà nước lẫn CN, TCKD đều quan tâm đến những TTCN của NTD. Khi những thông tin này của NTD vẫn còn chưa được hiểu đúng, một phần là xuất phát nhận thức của NTD chưa đầy đủ, sự coi nhẹ bảo mật thông tin cho bản thân mình của các doanh nghiệp, một phần do hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, thiếu sót về bảo vệ TTCN của NTD, dẫn đến những vi phạm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến xã hội. Bảo vệ TTCN của NTD không chỉ là bảo vệ quyền lợi của NTD mà còn là bảo vệ quyền con người.

Việc nghiên cứu đề tài: “**Bảo vệ TTCN của NTD trong HĐTM theo pháp luật Việt Nam**” sẽ hệ thống các nội dung, các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ TTCN của NTD, đồng thời chỉ ra thực tiễn thi hành pháp luật về bảo vệ TTCN của NTD ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở những nghiên cứu, phân tích, đánh giá đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực bảo vệ TTCN của NTD, góp phần bảo vệ quyền lợi của NTD và tạo điều kiện cho sự phát triển của kinh tế Việt Nam.